TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2019/HS-ST Ngày 14 - 8- 2019.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Công.

Bà Phạm Thị Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2019/TLST- HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trịnh Văn T; sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn S 2, xã T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Trịnh Văn T1 và bà Dương Thị T2; vợ Bùi Thị T3, có 03 con (con lớn nhất 6 tuổi, 2 con nhỏ 6 tháng tuổi); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại*:

+ Bà Lê Thị T4; sinh năm 1955; trú tại: Thôn C 3, xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị T4:

+ Ông Trịnh Đại N; sinh năm 1958; vắng mặt.

+ Chị Trịnh Thị Hải L; sinh năm 1983; vắng mặt.

+ Anh Trịnh Việt P; sinh năm 1986; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn C3, xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Hải L và anh Trịnh Việt P: Ông Trịnh Đại N; sinh năm 1958; trú tại: Thôn C3, xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị An Thị Hồng T5; sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn S 2, xã T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1957; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thu T6; sinh năm 1990; vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị T7; sinh năm 1977; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn C 3, xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn T có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/4/2019, sau khi đã ăn cơm, uống rượu tại nhà ông Trần Văn N1, sinh năm 1972, ở thôn D, xã C, huyện Y, Trịnh Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 347.15 đi trên đường 480B theo hướng từ huyện Yên Mô đi ra Quốc lộ 10 để về nhà. Khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường 480B thuộc thôn C 3, xã Khánh C, huyện Y (tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô trên đoạn đường này là 60km/h), phía trước xe mô tô do T điều khiển có bà Lê Thị T4, sinh năm 1955, trú tại thôn C 3, xã C đang đi bộ từ bên phải sang bên trái đường theo chiều đi của T; tay trái bà T4 kẹp vào hông 01 sàng tre, tay phải xách theo 01 vỏ thùng sơn bằng nhựa. Lúc này do đã sử dụng rượu, T không tỉnh táo, không chú ý quan sát và điều khiển xe đi với tốc độ cao (Khoảng 70 đến 80km/h) nên khi xe mô tô của T cách bà T4 khoảng 02 mét thì T mới phát hiện thấy bà T4 đang sang đường, T không kịp xử lý, tay lái và phần yếm bên trái xe mô tô 35B1 – 347.15 va chạm vào phần hông bên trái bà T4. Sau va chạm, xe mô tô 35B1 – 347.15 đổ trượt trên đường, Trịnh Văn T và bà Lê Thị T4 bị ngã xuống đường. Bà T4 bị thương được T và người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình. Đến 04 giờ 20 phút ngày 22/4/2019, bà T4 tử vong.

Sau khi đưa bà T4 đi cấp cứu, Trịnh Văn T đến Công an huyện Yên Khánh để làm việc. Tiến hành kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của Trịnh Văn T, kết quả: 0,485mg/lít khí thở.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 019/2019/TT - TTPY ngày 30/4/2019, Trung T4 pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận nguyên nhân chết của bà Lê Thị T4: *"Chấn thương sọ não có dập vỡ xương sọ chẩm, tụ máu, chảy máu não sau tai nạn giao thông"*.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Bản cáo trạng số 42/CT- VKSYK ngày 9 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội

vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T 01 Giấy phép lái xe số AE 153510 do Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình cấp ngày 19/12/2007.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa màu trắng, 01 sàng tre và 01 quần vải.

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện lao động, tự sửa chữa và cải tạo bản thân.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị An Thị Hồng T5 trình bày: Ngày 21/4/2019 chị cho bị cáo T mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 347.15 gây ra vụ tai nạn làm bà Lê Thị T4 bị tử vong, xe mô tô của chị bị trầy xước nhẹ. Chị đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 35B1- 347.15, giấy chứng nhận đăng ký của xe và không có yêu cầu, đề nghị về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng;

phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 21/4/2019, Trịnh Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-347.15 tham gia giao thông trong tình trạng có sử dụng rượu mà nồng độ cồn trong hơi thở là 0,485miligam/01 lít khí thở, vượt quá mức quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Khi đến đoạn đường thuộc thôn C 3, xã C, Trịnh Văn T đã điều khiển xe không chú ý quan sát, đi quá tốc độ quy định và không giảm tốc độ khi có người đi bộ sang đường gây ra vụ tai nạn làm bà Lê Thị T4 bị tử vong.

Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trịnh Văn T phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

"Điều 260. Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

…

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng.

…

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm an toàn và trật tự công cộng, xâm phạm tính mạng của công dân, gây ra nỗi đau không thể bù đắp được cho gia đình người bị hại. Do đó phải xử ý nghiêm minh đối với bị cáo T để giáo dục bị cáo tuân thủ các quy định của pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hậu quả mà mình đã gây ra; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi 3 con nhỏ trong đó có 2 con mới 6 tháng tuổi

được chính quyền địa phương xác nhận; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý và bị hại cũng có một phần lỗi vì mang vật cồng kềnh sang đường không đảm bảo an toàn; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, với một thời gian thử thách nhất định, dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo lao động, chăm sóc gia đình.

[6] Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1- 347.15 là của chị An Thị Hồng T5, sinh năm 1982, trú tại thôn S 2, xã T, thành phố N cho Trịnh Văn T mượn để sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả cho chị T5 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1- 347.15 và giấy chứng nhận đăng ký của xe; trả cho ông Trịnh Đại N, sinh năm 1958, trú tại thôn C 3, xã Khánh C, huyện Y (là chồng của bà Lê Thị T4) 07 bó rau đã thu giữ là đúng quy định. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự trả lại Trịnh Văn T 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số AE 153510 do Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình cấp ngày 19/12/2007; tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa màu trắng, 01 sàng tre, 01 quần vải do không còn giá trị sử dụng và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu nhận lại.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Văn T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà Lê Thị T4 số tiền 140.000.000 đồng. Hai bên đã tự giải quyết xong về trách nhiệm dân sự và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Chị An Thị Hồng T5 đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu, đề nghị về trách nhiệm dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 03 (*ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (*năm*) năm kể từ ngày tuyên án (14/8/2019).

Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T 01 Giấy phép lái xe số AE 153510 do Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình cấp ngày 19/12/2007 mang tên Trịnh Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa màu trắng, 01 sàng tre và 01 quần vải.

(*Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh*).

3. Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày14/8/2019); người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tthi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Công an huyện Yên Khánh.
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh.
- Bị cáo.
- Người đại diện hợp pháp của bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thanh Phương